

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/07/2017 ĐẾN NGÀY 31/12/2017**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 39

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Hồng Loan	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)
Ông Vương Đỗ Hải	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2017)
Ông Phạm Kim Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2017)
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

##### **Người đại diện theo pháp luật**

Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2017)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (trình bày Chế độ Kế toán Công ty áp dụng) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**  
Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



---

**Mai Xuân Sơn**  
**Tổng Giám đốc**  
*Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2018*



Số: 344 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 06 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày đầu kỳ và cuối năm, một số khoản công nợ của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ, cụ thể:

<u>Tên tài khoản</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khoản cho vay	17.032.130.178	-
Phải thu khách hàng	18.842.452.268	6.441.237.644
Phải thu khác	17.047.784.000	17.047.784.000
Phải trả người bán	6.540.591.206	-
Phải trả khác	21.875.862.306	16.326.469.938

Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tính đầy đủ của các khoản công nợ này tại ngày đầu kỳ và cuối năm.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo Kết luận số 1723/KL-STNMT ngày 24/08/2017 thì Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà có trách nhiệm thanh lý, chấm dứt hợp đồng cho thuê với 31 doanh nghiệp, cá nhân và 21 hộ gia đình của cán bộ công nhân viên và giao cục thuế Hà Nội kiểm tra, truy thu tiền thuê đất và thuế sử dụng đất với diện tích đất 153.206,4 m<sup>2</sup> mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đang quản lý tại phường Cổ Nhuế 2. Tại thời điểm phát hành báo cáo hợp nhất này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã gửi thông báo đến các đơn vị thuê nhưng vẫn chưa hoàn tất việc thanh lý, chấm dứt hợp đồng với các doanh nghiệp, cá nhân và các hộ gia đình nói trên, theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà chưa xác định và ghi nhận các khoản công nợ tiềm tàng có thể phát sinh từ việc thanh lý, chấm dứt các hợp đồng cho thuê này. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà cũng chưa ước tính số tiền thuê đất đối với phần diện tích 153.206,4 m<sup>2</sup> mà Công ty đang quản lý tại phường Cổ Nhuế 02, chúng tôi cũng không được Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà cung cấp bất cứ tài liệu hoặc thông báo nào của cơ quan thuế liên quan đến vấn đề này. Theo đó, ý kiến của chúng tôi không bao gồm các điều chỉnh hoặc trình bày cần thiết đối với khoản công nợ tiềm tàng nói trên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 05 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà chưa thực hiện phân loại các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên 3 tháng, dưới 12 tháng sang khoản mục phải thu về cho vay ngắn hạn. Nếu thực hiện phân loại theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền sẽ giảm đi và khoản mục phải thu về cho vay ngắn hạn sẽ tăng lên 10.150.000.000 VND.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Các vấn đề cần nhấn mạnh*

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà chưa thực hiện quyết toán các căn còn lại - 20 căn trong tổng số 30 căn (10 căn đã quyết toán) theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/HĐ/2005 ngày 1/1/2005 giữa Công ty Đầu tư Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Việt Hà) với Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan các vấn đề này.

### *Vấn đề khác*

Công ty đã hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/07/2017, tuy nhiên cho đến nay Công ty vẫn chưa nhận được Biên bản bàn giao chính thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần. Do đó, Công ty đang tạm ghi nhận số liệu tại ngày 01/07/2017 theo số trên sổ sách tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần.

Số dư đầu kỳ trên Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017 được tính toán dựa trên :

- Các Công ty liên kết : Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà, Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà và Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 chưa được kiểm toán. Do không thu thập được báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đồng Tháp nên việc hợp nhất khoản đầu tư tại Công ty này lấy theo số liệu chưa được kiểm toán tại ngày 31/12/2016. Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao tính toán theo phương pháp giá gốc do không thu thập được báo cáo tài chính.

Số dư cuối năm trên Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017 được tính toán dựa trên:

- Các Công ty liên kết : Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà, Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội đã được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán khác và Công ty Cổ phần Đồng Tháp cho năm tài chính năm 2017 chưa được kiểm toán. Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao tính toán theo phương pháp giá gốc do không thu thập được báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

*Vấn đề khác (Tiếp theo)*

Kết quả kinh doanh của các Công ty liên kết cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017 được lấy theo số liệu trên các báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 trừ đi số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế và Công ty Cổ phần Trảng An được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác trừ đi kết quả kinh doanh đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Việc xác định giá trị các khoản đầu tư của Công ty vào các đơn vị khác (trừ Công ty Cổ phần Đô Thị Sinh thái Văn Nội) được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác): được căn cứ trên các báo cáo tài chính của các đơn vị này chưa được kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, trong đó, Báo cáo kiểm toán số 138A/2017/BCKT/TC ngày 23/05/2017 đưa ý kiến ngoại trừ do các khoản góp vốn vào các Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc và số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất chưa tính đến các ảnh hưởng bởi các yếu tố được ngoại trừ tại các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con.



*[Signature]*  
**Lê Xuân Thăng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2018

*[Signature]*  
**Nguyễn Phương Lan**  
Kiểm toán viên  
CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2018-156-1

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUỲNH MAI  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 03-10-2019

Số chứng thực 6467-Quyển 10 SCT/BS



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Văn Bình*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>584.108.153.890</b>	<b>559.243.289.225</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>83.504.393.697</b>	<b>52.348.851.005</b>
1. Tiền	111		31.415.906.808	13.139.537.251
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.088.486.889	39.209.313.754
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>315.025.845.443</b>	<b>329.135.901.185</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		315.025.845.443	329.135.901.185
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>120.500.265.311</b>	<b>117.439.870.480</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	35.326.470.789	24.038.673.287
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.902.942.812	4.040.358.433
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.584.127.264	2.605.113.388
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	12.746.807.808	17.032.130.178
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	75.199.222.178	78.964.089.170
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(9.279.755.421)	(9.260.943.857)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		20.449.881	20.449.881
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>55.271.727.687</b>	<b>53.816.671.654</b>
1. Hàng tồn kho	141		57.612.273.327	56.338.759.090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.340.545.640)	(2.522.087.436)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.805.921.752</b>	<b>6.501.994.901</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18	875.289.246	1.437.028.250
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.629.250.466	3.521.005.053
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	5.301.382.040	1.543.961.598
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>553.341.987.691</b>	<b>554.948.023.353</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.397.221.258</b>	<b>11.316.225.035</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	1.326.861.998	1.326.861.998
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	11.070.359.260	9.989.363.037
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>225.092.371.301</b>	<b>246.908.808.627</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	224.828.598.794	234.933.466.622
- Nguyên giá	222		460.162.404.796	456.575.325.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(235.333.806.002)	(221.641.858.615)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	263.772.507	11.975.342.005
- Nguyên giá	228		8.297.780.182	23.426.805.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.034.007.675)	(11.451.463.177)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>12.500.000.000</b>	-
- Nguyên giá	231	15	12.500.000.000	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>19.461.109.693</b>	<b>18.975.366.050</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	16	15.208.391.080	15.208.391.080
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	4.252.718.613	3.766.974.970
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>211.731.541.365</b>	<b>209.548.264.120</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		124.588.507.737	123.129.081.902
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		87.180.795.360	87.180.795.360
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(37.761.732)	(761.613.142)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>72.159.744.074</b>	<b>68.199.359.521</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	62.675.000.936	57.970.435.507
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		629.451.370	635.691.265
3. Lợi thế thương mại	269	19	8.855.291.768	9.593.232.749
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.137.450.141.581</b>	<b>1.114.191.312.578</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến 31/12/2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>249.110.201.658</b>	<b>246.302.157.418</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>188.205.037.531</b>	<b>188.484.382.190</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	69.186.333.816	52.229.392.658
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.066.083.340	4.602.398.025
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	8.340.033.832	10.971.351.260
4. Phải trả người lao động	314		17.741.740.180	5.763.854.687
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	6.362.626.385	9.236.865.616
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		13.993.460.934	16.004.934.923
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	25.124.973.300	28.114.204.405
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	37.883.276.277	53.493.544.314
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.506.509.467	8.067.836.302
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>60.905.164.127</b>	<b>57.817.775.228</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	22	11.192.827.664	9.339.020.569
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		9.174.611.520	9.619.111.216
3. Phải trả dài hạn khác	337	23	37.449.099.593	33.516.518.093
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	3.088.625.350	5.343.125.350
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>888.339.939.923</b>	<b>867.889.155.160</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>888.339.939.923</b>	<b>867.889.155.160</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		769.000.000.000	769.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		769.000.000.000	769.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		901.755	901.755
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.587.119.388)	(1.587.119.388)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.616.411.318	51.616.411.318
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.919.442.494)	(40.436.447.713)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(40.436.447.713)	(37.444.831.431)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.517.005.219	(2.991.616.282)
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		99.229.188.732	89.295.409.188
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.137.450.141.581</b>	<b>1.114.191.312.578</b>



Mai Xuân Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2018

Lê Văn Đạt  
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		385.613.457.904
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.809.929.707
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	375.803.528.197
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	28	331.024.673.187
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.778.855.010
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	13.072.598.501
7. Chi phí tài chính	22	30	1.054.976.534
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.768.171.323
8. Lãi từ hoạt động đầu tư vào Công ty liên kết	24		5.746.220.719
9. Chi phí bán hàng	25	31	20.334.752.305
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	27.876.676.770
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 25 - 26}	30		14.331.268.621
12. Thu nhập khác	31	33	13.578.996.894
13. Chi phí khác	32	34	1.763.315.066
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		11.815.681.828
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		26.146.950.449
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.585.387.513
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		20.561.562.936
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông mẹ	61		10.656.561.044
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.905.001.892
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	139

Mai Xuân Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2018

Lê Văn Đạt  
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	384.040.407.280
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(293.385.352.386)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(42.204.393.704)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.727.895.070)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.480.896.030)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.010.444.110
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(43.130.013.380)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>17.122.300.820</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.150.781.600)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	134.545.628.742
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(116.150.250.630)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.506.400.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.201.002.142
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>31.951.998.654</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ đi vay	33	70.431.797.233
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(88.295.661.843)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(54.880.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(17.918.744.610)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>31.155.554.864</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>52.348.851.005</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(12.172)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>83.504.393.697</b>



Mai Xuân Sơn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2018

Lê Văn Đạt  
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà, doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26/01/1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2010 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 01/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính***Ngành nghề kinh doanh:*

- Đại lý, môi giới, đầu giá: Đại lý buôn lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh; Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thiết bị trường học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn thực phẩm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng bệnh viện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội thất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán, và chỉ phí đầu tư xây dựng công trình);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: Sản xuất mỹ phẩm;
- Điều hành tua du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bia;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất bao bì từ plastic;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

*Hoạt động chính:*

- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

**Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty:**

Công ty có 01 đơn vị phụ thuộc: Nhà máy nước tinh khiết Opal; Địa chỉ: Số 300 Trường Chinh, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước tinh khiết.

**Danh sách các Công ty con:**

1. Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội;
2. Công ty Cổ phần Tráng An;
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế.

**Danh sách các Công ty liên kết:**

1. Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà;
2. Công ty Cổ phần Đồng Tháp;
3. Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội;
5. Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 6.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất lập cho kỳ này bắt đầu từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017 là năm đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo hợp nhất này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính nên Công ty đang xác định giá trị hợp lý của của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư là giá trị trên sổ sách của các Công ty con, liên kết này. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:***

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	10

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 đến 08 năm.

#### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính đến tháng 01/2064.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí quảng cáo và một số chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất, lợi thế kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa Công ty con của Công ty và các tổ đội xây dựng hạch toán phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	16.807.245.531	2.724.294.521
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.608.661.277	10.415.242.730
Các khoản tương đương tiền	52.088.486.889	39.209.313.754
	<b>83.504.393.697</b>	<b>52.348.851.005</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngân hạn	315.025.845.443	315.025.845.443	329.135.901.185	329.135.901.185
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	315.025.845.443	315.025.845.443	329.135.901.185	329.135.901.185

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**

Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá gốc (i) VND	Giá trị số sách (ii) VND	Giá gốc (i) VND	Giá trị số sách (ii) VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty liên kết	114.875.600.000	124.588.507.737	114.875.600.000	123.129.081.902
Công ty CP Giấy Ngọc Hà	5.572.000.000	7.911.652.620	5.572.000.000	7.970.798.009
Công ty CP Đồng Tháp	3.540.000.000	-	3.540.000.000	-
Công ty CP Bía và Nước giải khát Việt Hà	80.000.000.000	88.189.955.989	80.000.000.000	85.312.418.781
Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	25.163.600.000	27.886.899.128	25.163.600.000	29.245.865.112
Công ty CP Thời trang Quốc tế Ngôi sao	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	63.230.500.000	87.180.795.360	63.230.500.000	87.180.795.360
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	4.116.500.000	4.427.249.874	4.116.500.000	4.427.249.874
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	37.264.000.000	60.894.782.516	37.264.000.000	60.894.782.516
Công ty CP Đô thị sinh thái Văn Nội	14.000.000.000	14.008.762.970	14.000.000.000	14.008.762.970
Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	5.100.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Việt Hà	1.250.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>178.106.100.000</b>	<b>211.769.303.097</b>	<b>178.106.100.000</b>	<b>210.309.877.262</b>

Ghi chú:

(ii) Giá gốc các khoản đầu tư theo số liệu trước thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần.

(iii) Giá trị các khoản đầu tư ghi nhận trên sổ sách theo số liệu bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần và được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.  
(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty liên kết trong kỳ:

Từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017, các công ty liệt kê đều có lãi, ngoại trừ Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà bị lỗ.

Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao. Hiện tại, Công ty này đang trong quá trình thành lập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

c) Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
<i><b>Đầu tư vào công ty con</b></i>					
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	892.500	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo
Công ty Cổ phần Tráng An	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	1.149.100	51,76%	51,76%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh từ bột; Sản xuất
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	1.860.390	88,59%	88,59%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	9.215.000	68,44%	68,44%	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
<i><b>Đầu tư vào công ty liên kết</b></i>					
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội	557.200	29,33%	29,33%	Sản xuất giấy dếp
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	354.000	25,29%	25,29%	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	8.000.000	37,23%	37,23%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	2.516.360	40,00%	40,00%	Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe con người
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	60.000	51,00%	10,20%	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giấy dếp

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu kỳ VND
<i><b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b></i>	<b>35.326.470.789</b>	<b>24.038.673.287</b>
Ông Trần Mạnh Hùng	6.989.637.534	6.173.890.577
Ông Trần Tuấn Anh	4.150.848.400	-
Bà Hoàng Thị Xuân	2.102.518.830	2.828.059.773
Công ty TNHH SX &TM Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	1.277.373.145
Công ty Cổ phần Thương mại Tráng An - Việt Nam	4.366.173.638	-
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tráng An 2- Việt Nam	1.841.105.312	945.575.630
Các đối tượng khác	14.598.813.930	12.813.774.162
<i><b>Trong đó: phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b></i>	<b>7.902.983</b>	<b>7.412.986</b>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	3.552.989	2.887.993
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	4.349.994	4.524.993

Tại ngày cuối năm, Công ty có một số khoản phải thu khách hàng tồn đọng lâu, chưa được xử lý với số tiền là 2.221.752.644 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>3.902.942.812</b>	<b>4.040.358.433</b>
Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội	294.492.000	734.676.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển và Xây lắp thủ đô	-	327.525.000
Các đối tượng khác	3.608.450.812	2.978.157.433
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>1.326.861.998</b>	<b>1.326.861.998</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	1.030.636.998	1.030.636.998
Các đối tượng khác	296.225.000	296.225.000
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>42.627.499</b>	<b>-</b>
Công ty CP Bia & NGK Việt Hà	42.627.499	-

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Các chủ nhiệm công trình (i)</b>	<b>12.746.807.808</b>	<b>17.032.130.178</b>
Ông Trần Mạnh Hùng	8.466.833.130	9.800.000.000
Ông Trần Tuấn Anh	2.142.154.352	3.758.736.852
Bà Hoàng Thị Xuân	165.527.000	1.500.000.000
Ông Đỗ Văn Lũng	895.947.386	895.947.386
Ông Vũ Mạnh Thắng	823.312.700	823.312.700
Ông Nguyễn Ngọc Hải	253.033.240	254.133.240

Ghi chú:

- (i) Là các hợp đồng ứng vốn cho các chủ nhiệm công trình tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà với thời hạn là 6 tháng (Phụ lục hợp đồng gia hạn đến thời điểm công trình quyết toán hoặc thu được tiền từ các công trình) và lãi suất là 0,6%/tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**10. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>a) Phải thu khác ngắn hạn</i>	<i>75.199.222.178</i>	<i>484.410.960</i>	<i>78.964.089.170</i>	<i>484.410.960</i>
Tạm ứng (vì)	2.146.736.951	-	3.144.777.717	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu về cổ tức và LN được chia	-	-	2.653.555.675	-
Phải thu khác	73.042.485.227	484.410.960	73.155.755.778	484.410.960
- Lãi tiền gửi ngân hàng	9.269.527.066	-	6.547.490.870	-
- Tiền sử dụng đất	17.047.784.000	-	17.047.784.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	46.725.174.161	484.410.960	49.560.480.908	484.410.960
+ Dự án Lĩnh Nam (i)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
+ CTCP Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam (ii)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	1.725.174.161	484.410.960	4.560.480.908	484.410.960
<i>b, Phải thu khác dài hạn</i>	<i>11.070.359.260</i>	<i>-</i>	<i>9.989.363.037</i>	<i>-</i>
CTCP Thăng Long - Đông Anh (iii)	7.874.847.234	-	6.822.963.037	-
Ban Quản lý Dự án Khu Đô thị Việt Hà (iv)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
CTCP Địa ốc Hà Nội (v)	1.166.400.000	-	1.166.400.000	-
CTCP Phát triển Đầu tư Xây dựng Việt Nam	29.112.026	-	-	-

**Ghi chú:**

- (i) Khoản quyền lợi Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà được hưởng khi thực hiện dự án tại số 87 phố Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014;
- (ii) Khoản hỗ trợ Công ty được hưởng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 127/2008/HTKD ngày 20 tháng 05 năm 2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam;
- (iii) Khoản tiền thuê đất và thuế đất trả thay cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Hợp đồng góp vốn số 27/2009/HĐGV ngày 30 tháng 07 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh" và Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15 tháng 09 năm 2016, Phụ lục I ngày 16 tháng 09 năm 2016 về việc Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình trong Dự án cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh;
- (iv) Phải thu tiền hợp tác kinh doanh để đầu tư dự án Khu đô thị Việt Hà theo Quyết định liên doanh số 2011/QĐ-LĐ gồm các bên tham gia là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà, Công ty TNHH Đại Hoàng Long, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam. Theo đó nguồn kinh phí khởi điểm của dự án đầu tư là 6 tỷ VND. Tại ngày cuối năm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã góp 2 tỷ VND;
- (v) Phải thu số tiền 1.166.400.000 VND tương ứng với hạ tầng của 2 căn hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã chi trả cho Công ty Cổ phần Địa ốc Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/HĐ-HTĐT tháng 7/2001 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà và Công ty Cổ phần Địa ốc Hà Nội. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà sẽ được kinh doanh 2 căn hộ này sau khi xây dựng xong;
- (vi) Bao gồm một số khoản tạm ứng và phải thu các đối tượng khác tồn đọng lâu, chưa được xử lý với số tiền lần lượt là 905.657.851 VND và 309.603.491 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Nhân Bách	253.684.000	-	253.684.000	-
Ông Trần Bình Dân	590.413.500	-	590.413.500	-
Ông Vũ Mạnh Thắng	823.312.700	-	823.312.700	-
Ông Đỗ Văn Lũng	895.947.386	-	895.947.386	-
Ông Nguyễn Ngọc Hải	253.033.240	-	253.033.240	-
Ông Vũ Tự Hào	170.000.000	-	170.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Năng	100.365.785	-	105.186.445	4.820.660
Công ty TNHH SX & TM Đại Hoàng Na	1.277.373.145	-	1.277.373.145	-
Bà Đào Hồng Thanh	468.912.632	-	468.912.632	-
Ông Nguyễn Gia Diệp	422.879.976	-	422.879.976	-
Công ty TNHH Thương mại Thăng Hà	348.194.881	-	348.194.881	-
Công ty TNHH Tuấn Thu	306.230.883	-	306.230.883	-
Các đối tượng khác	3.369.407.293	-	3.356.689.139	6.093.410
	<b>9.279.755.421</b>	<b>-</b>	<b>9.271.857.927</b>	<b>10.914.070</b>

**12. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	295.134.418	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	31.551.697.513	-	27.521.410.410	(50.377.933)
Công cụ, dụng cụ	3.868.617.911	-	4.023.369.320	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.732.263.219	-	7.285.584.988	-
Thành phẩm	12.857.396.375	(2.340.545.640)	16.071.087.533	(2.471.709.503)
Hàng hoá	3.686.767.089	-	930.239.033	-
Hàng gửi đi bán	620.396.802	-	507.067.806	-
	<b>57.612.273.327</b>	<b>(2.340.545.640)</b>	<b>56.338.759.090</b>	<b>(2.522.087.436)</b>

Tại ngày cuối năm, Công ty có một lượng bia và nước Opal gửi bán đã tồn từ lâu với tổng số tiền là 342.495.710 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**  
Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng cộng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		
<b>NGUYÊN GIÁ</b>											
Số dư đầu kỳ	204.054.959.896	-	224.235.184.621	3.587.079.559	24.012.099.292	-	4.175.457.428	-	97.624.000	-	456.575.325.237
Tăng do mua sắm											3.587.079.559
Số dư cuối năm	204.054.959.896	-	227.822.264.180	3.587.079.559	24.012.099.292	-	4.175.457.428	-	97.624.000	-	460.162.404.796
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>											
Số dư đầu kỳ	52.326.479.688		149.861.006.910		16.544.815.837		2.898.595.077		10.961.103		221.641.858.615
Khấu hao trong kỳ	3.767.669.070		8.508.870.561		1.292.897.321		117.650.832		4.859.604		13.691.947.387
Số dư cuối năm	56.094.148.758		158.369.877.471		17.837.713.158		3.016.245.909		15.820.707		235.333.806.002
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
Số dư đầu kỳ	151.728.480.208		74.374.177.711		7.467.283.455		1.276.862.351		86.662.897		234.933.466.622
Số dư cuối năm	147.960.811.138		69.452.386.709		6.174.386.134		1.159.211.519		81.803.293		224.828.598.794

Ghi chú:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 với giá trị là 75.129.961.274 VND (tại ngày 01/07/2017 là 66.432.750.572 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem thế chấp các khoản vay như trình bày tại thuyết minh số 23 phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2017 là 90.024.406.071 VND (tại ngày 01/07/2017 là 113.103.734.346 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng giá trị còn lại của các hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc theo sổ sách tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà là 3.237.104.938 VND, tuy nhiên, hầu hết các hạng mục tài sản này không còn nguyên trạng do các doanh nghiệp thuê đã cải tạo, sửa chữa hoặc coi mới thêm. Công ty chưa đánh giá lại giá trị còn lại của các hạng mục tài sản này và chưa có điều chỉnh nào cho giá trị còn lại theo sổ sách này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**  
Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B 09a - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhân hiệu hàng hóa VND	Chương trình phần mềm VND	Chuyển giao công nghệ VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	15.183.025.000	131.551.318	1.089.231.180	5.653.054.009	1.369.943.675	23.426.805.182
Tăng do mua sắm	-	-	54.000.000	-	-	54.000.000
Phân loại lại (i)	(15.183.025.000)	-	-	-	-	(15.183.025.000)
Số dư cuối năm	-	131.551.318	1.143.231.180	5.653.054.009	1.369.943.675	8.297.780.182
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	3.495.262.788	131.551.318	801.651.387	5.653.054.009	1.369.943.675	11.451.463.177
Khấu hao trong kỳ	151.830.252	-	77.807.286	-	-	229.637.538
Phân loại lại (i)	(3.647.093.040)	-	-	-	-	(3.647.093.040)
Số dư cuối năm	-	131.551.318	879.458.673	5.653.054.009	1.369.943.675	8.034.007.675
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu kỳ	11.687.762.212	-	287.579.793	-	-	11.975.342.005
Số dư cuối năm	-	-	263.772.507	-	-	263.772.507

Ghi chú:

(i) Phân loại lại tiền thuê Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội trả một lần với diện tích 23.390 m2 đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất ở Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội theo Hợp đồng thuê lại đất số 09/HD/TLĐ-HT ngày 28/09/2007, thời gian thuê từ ngày 30/01/2008 đến ngày 13/01/2056.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 với giá trị là 7.214.549.002 VND (tại ngày 01/07/2017 là 7.214.549.002 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư cuối năm thể hiện giá trị quyền sử dụng 500 m2 mặt sàn văn phòng mục đích cho thuê tại tổ hợp Trảng An Complex số 01 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội có thời gian sử dụng đến tháng 01/2064 của Công ty Cổ phần Trảng An.

**16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh tại Dự án 154 Cầu Diễn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/HĐ/2005 ngày 1/1/2005 giữa Công ty Đầu tư Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Việt Hà) với Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc, theo kết quả kinh doanh: được hưởng lợi hoặc chịu rủi ro, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn mỗi bên 50%. Tổng toàn dự án gồm 30 căn: Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc chịu trách nhiệm huy động vốn 17 căn, Công ty chịu trách nhiệm huy động vốn 13 căn. Trước cổ phần hóa đã quyết toán 5 năm, năm 2015 quyết toán 5 căn tiếp theo đến nay số căn còn lại chưa bàn giao quyết toán.

**17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Mua sắm</b>	<b>2.707.878.341</b>	<b>2.707.878.341</b>
Máy chumng cắt tạo cỏn thom từ thảo mộc	2.707.878.341	2.707.878.341
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.544.840.272</b>	<b>1.059.096.629</b>
Dự án vườn sinh thái Việt Hà	639.681.818	639.681.818
Dự án xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	106.272.727	106.272.727
Dự án cải tạo, nâng tầng nhà Văn phòng 254 Minh Khai	250.385.727	250.385.727
Các công trình khác	548.500.000	62.756.357
	<b>4.252.718.613</b>	<b>3.766.974.970</b>

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>875.289.246</b>	<b>1.437.028.250</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	189.019.019	190.679.627
Chi phí sửa chữa	-	10.084.606
Chi phí quảng cáo	573.950.000	1.032.300.000
Các khoản khác	112.320.227	203.964.017
<b>b) Dài hạn</b>	<b>62.675.000.936</b>	<b>57.970.435.507</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.231.486.797	11.599.007.641
Chi phí sửa chữa	349.962.597	918.270.409
Lợi thế kinh doanh (i)	16.107.368.494	16.955.124.730
Giá trị quyền sử dụng đất	584.083.322	-
Chi phí thuê đất khu công nghiệp Thạch Thất (ii)	38.733.692.696	27.537.732.742
Chi phí trả trước dài hạn khác	668.407.030	960.299.985

Ghi chú:

(i) Lợi thế kinh doanh tại Công ty được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(ii) Bao gồm:

- Tiền thuê Công ty Cổ phần Trảng An trả một lần cho đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất tại lô CN6, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Giá trị tiền thuê đất tại ngày 31/12/2017 là 27.197.760.736 VND. Lô đất này đã được thế chấp cho khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Trảng An như trình bày tại thuyết minh số 24 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- Tiền thuê Công ty Cổ phần Bánh Mút Kẹo Hà Nội trả một lần với diện tích 23.390 m2 đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất ở Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội theo Hợp đồng thuê lại đất số 09/HDTLD-HT ngày 28/09/2007, thời gian thuê từ ngày 30/01/2008 đến ngày 13/01/2056. Giá trị tiền thuê đất tại ngày 31/12/2017 là 11.535.931.960 VND.

**19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	VND
Nguyên giá	
Tại ngày đầu kỳ	14.758.819.616
Tại ngày cuối năm	14.758.819.616
Hao mòn	
Tại ngày đầu kỳ	5.165.586.867
Khấu hao trong kỳ	737.940.981
Tại ngày cuối năm	5.903.527.848
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	9.593.232.749
Tại ngày cuối năm	8.855.291.768

**20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	69.186.333.816	69.186.333.816	52.229.392.658	52.229.392.658
CTCP Bia và NGK Việt Hà	11.481.870.921	11.481.870.921	6.541.997.595	6.541.997.595
Công ty TNHH MTV Quản lý & Phát triển Nhà Hà Nội	2.796.694.421	2.796.694.421	2.628.993.312	2.628.993.312
CTCP Đầu tư XD & Kỹ thuật Vinaconex	1.688.862.250	1.688.862.250	1.688.862.250	1.688.862.250
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	2.956.073.451	2.956.073.451	2.956.073.451	2.956.073.451
Công ty TNHH Khải Minh	2.913.723.505	2.913.723.505	2.174.228.750	2.174.228.750
Công ty TNHH SX-TM-DV Bao bì nhựa Trung Sơn	1.117.684.612	1.117.684.612	2.471.099.469	2.471.099.469
Công ty TNHH Đức Anh	2.550.283.248	2.550.283.248	2.215.960.455	2.215.960.455
Công ty TNHH Phát triển Thương Mại và Dịch vụ Mai Lâm	945.000.000	945.000.000	1.632.700.000	1.632.700.000
Công ty TNHH Vật tư Công nghệ phẩm TTN	1.528.321.525	1.528.321.525	1.544.360.795	1.544.360.795
CTCP Thực phẩm Minh Dương	3.093.754.650	3.093.754.650	1.524.773.775	1.524.773.775
CTCP Bao bì Liksin Phương Bắc	2.047.573.166	2.047.573.166	925.482.512	925.482.512
Các đối tượng khác	36.066.492.067	36.066.492.067	25.924.860.294	25.924.860.294
<i>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan</i>	11.481.870.921	11.481.870.921	6.541.997.595	6.541.997.595
Công ty Cổ phần Bia và NGK Việt Hà	11.481.870.921	11.481.870.921	6.541.997.595	6.541.997.595

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/ phải thu trong kỳ	Số đã thực nộp/thực thu trong kỳ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	1.046.123.622	7.773.959.298	6.779.067.409	2.041.015.511
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	304.484.762	304.484.762	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	279.594.474	472.004.953	654.230.405	97.369.022
Thuế xuất, nhập khẩu	-	37.744.019	37.744.019	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.593.732	4.265.225.284	729.302.298	3.537.516.718
Thuế thu nhập cá nhân	382.117.422	749.863.874	1.071.917.841	60.063.455
Thuế tài nguyên	652.320	3.026.880	3.310.080	369.120
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	120.629.893	2.024.143.842	1.788.546.874	356.226.861
Các loại thuế khác	755.473.321	294.971.952	352.834.413	697.610.860
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.385.166.476	127.479.706	6.962.783.897	1.549.862.285
<b>Cộng</b>	<b>10.971.351.260</b>	<b>16.052.904.570</b>	<b>18.684.221.998</b>	<b>8.340.033.832</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	241.364.489	4.093.389.280	4.087.877.082	235.852.291
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.036.036.014	1.335.076.405	751.593.732	452.553.341
Thuế thu nhập cá nhân	-	87.389.740	121.208.209	33.818.469
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	266.561.095	266.561.095	3.819.144.367	3.819.144.367
Các loại thuế khác	-	-	760.013.572	760.013.572
<b>Cộng</b>	<b>1.543.961.598</b>	<b>5.782.416.520</b>	<b>9.539.836.962</b>	<b>5.301.382.040</b>

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.362.626.385</b>	<b>9.236.865.616</b>
Chi phí lãi vay	3.123.526.153	3.083.250.000
Trích trước tiền thuê nhà	1.062.403.636	1.462.570.909
Trích trước chi phí vận chuyển	136.870.768	1.394.476.755
Lãi tài khoản phong tỏa	490.618.633	490.618.633
Chi phí thuê Keg	-	147.814.784
Chi phí phải trả khác	1.549.207.195	2.658.134.535
<b>b) Dài hạn</b>	<b>11.192.827.664</b>	<b>9.339.020.569</b>
Chi phí trích trước các công trình (i)	11.192.827.664	9.339.020.569

**Ghi chú:**

(i) Chi phí trích trước các công trình tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>25.124.973.300</b>	<b>28.114.204.405</b>
Các khoản trích theo lương	2.267.423.555	2.608.388.949
Phải trả về cổ phần hoá	208.129.854	208.129.854
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
Tiền sử dụng đất (i)	21.136.232.048	21.212.930.748
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.483.187.843	4.054.754.854
- Phải trả chi phí trích trước Dự án 87 Lĩnh Nam	245.875.495	694.253.995
- Các đối tượng khác	1.237.312.348	3.360.500.859
<b>b) Dài hạn</b>	<b>37.449.099.593</b>	<b>33.516.518.093</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.736.910.787	10.974.040.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.712.188.806	22.542.477.306
- Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh (ii)	4.800.000.000	4.800.000.000
- Dự án Phú Minh	200.000.000	200.000.000
- Dự án 154 Cầu Diễn (iii)	10.421.113.406	10.421.113.406
- Dự án Khu đô thị Việt Hà (iv)	5.583.518.868	1.413.807.368
- Phải trả khách hàng góp vốn thực hiện dự án (v)	5.707.556.532	5.707.556.532

Ghi chú:

- (i) Bao gồm 18.597.800.000 VND khoản phải trả Ngân sách Nhà nước tiền sử dụng đất tại Dự án 235 Lạc Long Quân theo Kết luận số 2125/TTCP ngày 1/9/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà;
- (ii) Khoản Công ty góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016 và Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc xác định nghĩa vụ tài chính phải trả về việc hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh";
- (iii) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà nhận góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc để thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/HĐ/2005 ngày 1/1/2005 giữa Công ty Đầu tư Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Việt Hà) với Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc tại dự án 154 Cầu Diễn như trình bày tại thuyết minh số 16 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Dự án này hiện đang chờ quyết toán;
- (iv) Như trình bày tại Thuyết minh số 10 mục (iv) phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, các bên tham gia dự án Đầu tư Khu đô thị Việt Hà đã góp 6 tỷ VND để thực hiện Dự án. Ban Quản lý dự án đã ủy quyền cho Công ty gửi tiền có kỳ hạn để bổ sung kinh phí hoạt động của Ban Quản lý Dự án. Số dư tại ngày cuối năm thể hiện khoản tiền góp vốn của các bên tham gia dự án nói trên;
- (v) Phải trả tiền góp vốn thực hiện dự án 154 Cầu Diễn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**

Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	33.548.276.277	33.548.276.277	70.430.893.706	84.293.258.316	47.410.640.887	47.410.640.887
Công ty CP Bia & Nước Giải khát Việt Hà (ii)	26.048.276.277	26.048.276.277	70.430.893.706	84.293.258.316	39.910.640.887	39.910.640.887
	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	4.335.000.000	4.335.000.000	2.254.500.000	4.002.403.427	6.082.903.427	6.082.903.427
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iii)	3.800.000.000	3.800.000.000	2.000.000.000	3.508.903.427	5.308.903.427	5.308.903.427
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Hoàng Mai	399.000.000	399.000.000	199.500.000	399.000.000	598.500.000	598.500.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	136.000.000	136.000.000	55.000.000	94.500.000	175.500.000	175.500.000
<i>Vay dài hạn</i>	3.088.625.350	3.088.625.350	-	2.254.500.000	5.343.125.350	5.343.125.350
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iii)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Hoàng Mai	-	-	-	-	199.500.000	199.500.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	-	55.000.000	55.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	1.088.625.350	1.088.625.350	-	-	1.088.625.350	1.088.625.350

Ghi chú:

- (i) Khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng số 22/2016-HĐTDHM/NHCT140-TRANGAN, thời gian vay không quá 6 tháng, lãi suất 7%/năm được điều chỉnh trên từng giấy nhận nợ với hạn mức vay là 40.000.000.000 VND. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động cho Công ty Cổ phần Tráng An. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp.
- (ii) Khoản hỗ trợ vốn từ Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà theo các Hợp đồng hỗ trợ vay vốn số 01/HĐHT-CPVN ngày 07/10/2011, Hợp đồng số 02/HĐHT-CPVH ngày 30/11/2011, Hợp đồng số 03/HĐHT-CPVH ngày 12/12/2011, Hợp đồng số 04/HĐHT-CPVH ngày 27/12/2011 của Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế. Các Hợp đồng hỗ trợ vốn này có thời hạn 1 năm, lãi suất 9%/năm. Các Hợp đồng này hiện đã hết hạn nhưng các bên chưa làm phụ lục điều chỉnh bổ sung.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 86/2016-HĐTDDA/NHCT140-TRANGAN ngày 15/9/2016 của Công ty Cổ phần Tráng An. Các Hợp đồng có thời hạn vay từ 32-60 tháng với lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Mục đích khoản vay nhằm đầu tư tài trợ cho các chi phí hợp lý xây dựng nhà máy bán kẹo. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng lô đất và tài sản trên đất tại lô CN6, KCN Thạch Thất, Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 5.800.000.000 VND trong đó nợ đến hạn trả năm 2018 là 3.800.000.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ**

Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**MÃU SỐ B 09a - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	599.132.159.400	-	-	51.151.801.926	-	-	51.151.801.926	(2.846.882.692)	94.977.343.985	(23.413.380)	742.414.422.619			
Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra thuế ngày 29/12/2017	(8.940.800)	-	-	-	-	-	-	(195.961.111)	(23.413.380)		(228.315.291)			
Số dư đầu năm nay (trình bày lại)	599.123.218.600	-	-	51.151.801.926	-	-	51.151.801.926	(3.042.843.803)	94.953.930.605		742.186.107.328			
Giảm do đánh giá lại khoản đầu tư tại ngày 30/6/2017	-	-	-	-	-	-	-	(27.531.969.480)	-		(27.531.969.480)			
Tăng vốn trong kỳ	164.636.408.622	901.755	11.993.614.014	(548.271.514)	-	-	-	(60.155.370)	-		176.630.924.391			
Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra thuế ngày 29/12/2017	(338.625.037)	-	-	-	-	-	-		-		(947.051.921)			
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(2.991.616.282)	(2.984.135.805)		(5.975.752.087)			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.227.780.218	-	-	-	(11.011.779.722)	(719.008.204)		(6.503.007.708)			
Nộp lợi nhuận sau phân phối	-	-	-	-	-	-	-	(5.876.493.847)	-		(5.876.493.847)			
Kết chuyển tăng vốn Nhà nước	6.469.627.669	-	(11.993.614.014)	(4.214.899.312)	-	-	-	7.990.969.551	-		(1.747.916.106)			
Phải trả về cổ phần hóa	(890.629.854)	-	-	-	-	-	-	-	-		(890.629.854)			
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.315.955.800)		(2.315.955.800)			
Tăng/giảm khác	-	-	(1.587.119.388)	-	-	-	-	2.087.441.240	360.578.392		860.900.244			
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>769.000.000.000</b>	<b>901.755</b>	<b>(1.587.119.388)</b>	<b>51.616.411.318</b>	<b>(40.436.447.713)</b>	<b>89.295.409.188</b>	<b>867.889.155.160</b>							
Hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(170.434.883)	-	-				(170.434.883)			
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	10.656.561.044	-	-		9.905.001.892		20.561.562.936			
Tăng khác	-	-	-	-	30.879.058	-	-		28.777.652		59.656.710			
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>769.000.000.000</b>	<b>901.755</b>	<b>(1.587.119.388)</b>	<b>51.616.411.318</b>	<b>(29.919.442.494)</b>	<b>99.229.188.732</b>	<b>888.339.939.923</b>							

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 05 ngày 01/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	392.502.000.000	392.502.000.000
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	277.580.890.000	277.580.890.000
Các đối tượng khác	98.917.110.000	98.917.110.000
<b>Cộng</b>	<b>769.000.000.000</b>	<b>769.000.000.000</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	769.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	769.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối kỳ	769.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
Ngoại tệ các loại		
- USD	6.998,83	7.008,18

**27. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017
	VND
<b>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>385.613.457.904</b>
<u>Trong đó:</u>	
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	322.993.424.819
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	62.620.033.085
<b>Trong đó doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>13.373.679.203</b>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	13.367.242.873
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	6.436.330
<b>b) Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>9.809.929.707</b>
<u>Trong đó:</u>	
- Chiết khấu thương mại	8.496.325.709
- Hàng bán bị trả lại	1.313.603.998
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>375.803.528.197</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

<b>28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP</b>	
	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	331.024.673.187
	<u>331.024.673.187</u>
<b>29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	
	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.636.415.879
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.410.057
Cổ tức, lợi nhuận được chia	390.040.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	31.732.565
	<u>13.072.598.501</u>
<b>30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	
	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(723.851.410)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.656.621
Chi phí lãi vay	1.768.171.323
	<u>1.054.976.534</u>
<b>31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	
	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	
Chi phí nhân viên	4.261.309.234
Chi phí dụng cụ đồ dùng	3.002.790.435
Chi phí khấu hao TSCĐ	265.015.992
Chi phí khuyến mại, hoa hồng, quảng cáo tiếp thị	8.050.802.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.547.918.141
Chi phí khác bằng tiền	3.206.915.559
<b>Cộng</b>	<u>20.334.752.305</u>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	
Chi phí nhân viên	14.928.428.402
Chi phí đồ dùng văn phòng	931.268.778
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.868.358.132
Thuế, phí và lệ phí	290.870.808
Dự phòng phải thu	12.718.154
Lợi thế thương mại	737.940.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.995.991.432
Chi phí bằng tiền khác	6.111.100.083
<b>Cộng</b>	<u>27.876.676.770</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.605.238.981
Chi phí công cụ dụng cụ	6.545.947.494
Chi phí nhân công	63.243.709.398
Chi phí dự phòng	(6.401.990.903)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.921.584.925
Thuế phí, lệ phí, thuế đất	1.397.201.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.650.295.096
Chi phí khác bằng tiền	27.446.649.749
	<b>282.408.635.897</b>

**33. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Thu nhập từ cho thuê tài sản	120.000.000
Nhận hỗ trợ bằng diện tích văn phòng (i)	12.500.000.000
Thu nhập khác	958.996.894
	<b>13.578.996.894</b>

Ghi chú:

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 86/2008/GP-Invest ngày 19/06/2008 đối với dự án tại số 01 Phùng Chí Kiên, ngoài khoản hỗ trợ di dời nhận bằng tiền, Công ty Cổ phần Trảng An được nhận một diện tích mặt sàn văn phòng là 500 m<sup>2</sup> không phải thanh toán với thời gian sử dụng đến tháng 01/2064. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Trảng An đã được nhận bàn giao diện tích này và ghi nhận một lần vào thu nhập khác và ghi tăng bất động sản đầu tư như trình bày tại thuyết minh số 15 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất tương ứng giá trị bên B xuất hóa đơn là 12.500.000.000 VND.

**34. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Các khoản bị phạt	172.552.463
Phân bổ CCDC không tham gia sản xuất kinh doanh	54.618.428
Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất kinh doanh	1.115.619.866
Chi phí khác	420.524.309
	<b>1.763.315.066</b>

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017 VND
Lợi nhuận sau thuế	10.656.561.044
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	76.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	139
Mệnh giá mỗi cổ phiếu (VND)	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	40.971.901.627	58.836.669.664
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(83.504.393.697)	(52.348.851.005)
Nợ thuần	-	6.487.818.659
Vốn chủ sở hữu	888.339.939.923	867.889.155.160
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,7%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.504.393.697	52.348.851.005
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.873.882.436	44.462.778.320
Đầu tư tài chính ngắn hạn	315.025.845.443	329.135.901.185
Đầu tư tài chính dài hạn	211.731.541.365	209.548.264.120
<b>Tổng cộng</b>	<b>660.135.662.941</b>	<b>635.495.794.630</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	40.971.901.627	58.836.669.664
Phải trả người bán và phải trả khác	129.284.853.300	111.043.596.353
Chi phí phải trả	17.555.454.049	18.575.886.185
<b>Tổng cộng</b>	<b>187.812.208.976</b>	<b>188.456.152.202</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

***Rủi ro thanh khoản***

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.504.393.697	-	83.504.393.697
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.803.523.176	11.070.359.260	49.873.882.436
Đầu tư tài chính ngắn hạn	315.025.845.443	-	315.025.845.443
Đầu tư tài chính dài hạn	-	211.731.541.365	211.731.541.365
<b>Tổng cộng</b>	<b>437.333.762.316</b>	<b>222.801.900.625</b>	<b>660.135.662.941</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay	37.883.276.277	3.088.625.350	40.971.901.627
Phải trả người bán và phải trả khác	91.835.753.707	37.449.099.593	129.284.853.300
Chi phí phải trả	6.362.626.385	11.192.827.664	17.555.454.049
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.081.656.369</b>	<b>51.730.552.607</b>	<b>187.812.208.976</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>301.252.105.947</b>	<b>171.071.348.018</b>	<b>472.323.453.965</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.348.851.005	-	52.348.851.005
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.473.415.283	9.989.363.037	44.462.778.320
Đầu tư tài chính ngắn hạn	329.135.901.185	-	329.135.901.185
Đầu tư tài chính dài hạn	-	209.548.264.120	209.548.264.120
<b>Tổng cộng</b>	<b>415.958.167.473</b>	<b>219.537.627.157</b>	<b>635.495.794.630</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Các khoản vay	53.493.544.314	5.343.125.350	58.836.669.664
Phải trả người bán và phải trả khác	77.527.078.260	33.516.518.093	111.043.596.353
Chi phí phải trả	9.236.865.616	9.339.020.569	18.575.886.185
<b>Tổng cộng</b>	<b>140.257.488.190</b>	<b>48.198.664.012</b>	<b>188.456.152.202</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>275.700.679.283</b>	<b>171.338.963.145</b>	<b>447.039.642.428</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31/12/2017 ở mức thấp.

**37. THÔNG TIN KHÁC**

Đến thời điểm phát hành báo cáo hợp nhất này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty Cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**38. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội  
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty Cổ phần  
Công ty Cổ phần Trảng An  
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà  
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế  
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà  
Công ty Cổ phần Đồng Tháp  
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà  
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội  
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi Sao

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Cổ đông chiếm 51,04% vốn điều lệ  
Cổ đông chiếm 36,10% vốn điều lệ  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội  
Lãnh đạo chủ chốt

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

Ngoài giao dịch với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 26 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/07/2017</u> <u>đến 31/12/2017</u> VND
<b>Mua Hàng</b>	<b>97.390.279.714</b>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	97.390.279.714
<b>Cổ tức</b>	<b>4.506.400.000</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	2.516.360.000
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	390.040.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	1.600.000.000

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:*

	<u>Từ 01/07/2017</u> <u>đến 31/12/2017</u> VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.837.306.724
	<b>1.837.306.724</b>

**39. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo kết luận số 1723/KL-STNMT ngày 24/08/2017 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà có trách nhiệm thanh lý, chấm dứt hợp đồng cho thuê với 31 doanh nghiệp, cá nhân và 21 hộ gia đình và giao cục thuế Hà Nội kiểm tra, truy thu tiền thuê đất và thuế sử dụng đất với diện tích đất 153.206,4 m<sup>2</sup> mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đang quản lý tại phường Cổ Nhuế 2 và Minh Khai. Tại thời điểm phát hành báo cáo hợp nhất này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã gửi thông báo đến các đơn vị thuê nhưng vẫn chưa hoàn tất việc thanh lý, chấm dứt hợp đồng với các doanh nghiệp, cá nhân và các hộ gia đình nói trên, theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà chưa xác định và ghi nhận các khoản công nợ tiềm tàng có thể phát sinh từ việc thanh lý, chấm dứt các hợp đồng cho thuê này. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà cũng chưa ước tính số tiền thuê đất đối với phần diện tích 153.206,4 m<sup>2</sup> mà Công ty đang quản lý tại phường Cổ Nhuế 02.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu tại ngày 01/07/2017 trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất được hợp cộng của các Công ty con và được điều chỉnh các giao dịch và số dư nội bộ trọng yếu. Công ty không trình bày số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất do đây là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty Cổ phần.



**Mai Xuân Sơn**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2018

**Lê Văn Đạt**  
Kế toán trưởng

**Trần Hòa Bình**  
Người lập